

Số: *111*/STNMT-KS

Khánh Hòa, ngày *12* tháng *01* năm *2017*

V/v báo cáo tổng hợp số liệu tiền cấp
quyền khai thác khoáng sản năm 2016
trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa

Kính gửi: UBND tỉnh Khánh Hòa

Thực hiện theo Điểm d Khoản 2 Điều 15 Nghị định 203/2013/NĐ-CP ngày 28/11/2013 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp số liệu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đã được UBND tỉnh phê duyệt tính đến ngày 31/12/2016 cụ thể như sau:

1. Hồ sơ đã được UBND tỉnh phê duyệt năm 2014 và 2015, tiếp tục phải nộp tiền cấp quyền trong năm 2016 và các năm tiếp theo là 17 hồ sơ.

2. Hồ sơ đã được UBND tỉnh phê duyệt năm 2016 (từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/12/2016) là 50 hồ sơ. Trong đó nạo vét thu hồi cát làm VLXDĐT là 16 hồ sơ; cải đất san lấp là 06 hồ sơ, thu hồi khoáng sản trong dự án là 07 hồ sơ; sét gạch ngói 06 hồ sơ, Giấy phép khai thác khoáng sản 15 hồ sơ. *(Có Phụ lục kèm theo của từng hồ sơ)*

3. Hồ sơ được Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt trên địa bàn tỉnh là 09 hồ sơ.

4. Việc thu tiền cấp quyền trên địa bàn tỉnh (đối với các hồ sơ do Bộ Tài nguyên và Môi trường và UBND tỉnh phê duyệt)

- Năm 2016:

+ Tổng tiền cấp quyền phải nộp: 39.533.842.550 đồng;

+ Tiền ngân sách nhà nước đã thu: 21.243.312.532 đồng;

+ Tiền tạm thời chưa thu theo Công văn số 723/TTg-KTN ngày 21/5/2014 của Thủ tướng Chính phủ: 5.367.361.000 đồng;

+ Tiền còn nợ: 18.290.530.018 đồng.

- Lũy kế đến hết năm 2016:

+ Tổng tiền cấp quyền phải nộp: 58.646.092.579 đồng;

+ Tiền ngân sách nhà nước đã thu: 38.358.672.298 đồng;

+ Tiền tạm thời chưa thu theo Công văn số 723/TTg-KTN ngày 21/5/2014 của Thủ tướng Chính phủ: 8.516.518.444 đồng;

+ Tiền còn nợ: 27.562.118.998 đồng.

Sở Tài nguyên và Môi trường kính báo cáo.!

(Đính kèm Phụ lục chi tiết)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục Thuế tỉnh (p/h);
- Bộ TN&MT (b/c);
- Lưu: VT, KS.

GIÁM ĐỐC



Võ Tấn Thát

BẢNG TỔNG HỢP TIỀN CẤP QUYỀN HỒ SƠ NẠO VẾT THU HỒI CÁT LÀM VLXDTT ĐƯỢC UBND TỈNH PHÊ DUYỆT

(Kèm theo công văn số /STNMT-KS ngày tháng năm)

	Tên doanh nghiệp	Khu vực khoáng sản	Loại KS	Quyết định phê duyệt	Tổng tiền cấp quyền (đồng)	Số tiền nộp hàng năm tính theo giá tính thuế TN tại thời điểm thẩm	Số tiền thẩm định nộp trong năm 2016 (đồng)	Số lần nộp	Năm bắt đầu nộp	Số tiền đã thu trong năm	Trạng thái nộp tiền
1	Công ty TNHH Dịch vụ - Xây dựng Khánh Sơn	sông Chò, xã Diên Xuân, huyện Diên Khánh	Cát làm VLXDTT	3424/QĐ-UBND (26/11/2015)	18.302.000	-	18.302.000	1	2016	18.302.000	Đã nộp
2	Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Hoàng Thịnh Phát	hồ chứa nước Suối Dầu, huyện Cam Lâm	Cát làm VLXDTT	3645/QĐ-UBND (15/12/2015)	148.960.000	-	148.960.000	1	2016	148.960.000	Đã nộp
3	Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Hoàng Thịnh Phát	ngã ba sông Cái - sông Lốp - sông Tân Lâm, xã Ninh Bình, TX Ninh Hòa	Cát làm VLXDTT	3651/QĐ-UBND (15/12/2015)	13.027.000	-	13.027.000	1	2016	13.027.000	Đã nộp
4	Công ty TNHH Thương mại Vận tải Hồng Phát	suối Nhà Chay, xã Ninh Hưng, TX Ninh Hòa	Cát làm VLXDTT	318/QĐ-UBND (01/02/2016)	25.818.000	-	25.818.000	1	2016	25.818.000	Đã nộp
5	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Khoáng sản Khánh Đông	sông Chò, xã Khánh Đông, huyện Khánh Vĩnh	Cát làm VLXDTT	377/QĐ-UBND (04/02/2016)	7.691.000	-	7.691.000	1	2016	7.691.000	Đã nộp
6	DNTN Quốc Huy Tân Bình	hồ chứa nước Suối Hành, thành phố Cam Ranh	Cát làm VLXDTT và đất san lấp	911/QĐ-UBND (7/4/2016)	29.498.000	-	29.498.000	1	2016	17.000.000	Còn nợ 12.498.000
7	Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế và Xây dựng Hưng Phát	sông Cái, xã Ninh Sim, thị xã Ninh Hòa	Cát làm VLXDTT	838/QĐ-UBND (1/4/2016)	25.394.000	-	25.394.000	1	2016	25.394.000	Đã nộp
8	Công ty TNHH Tư vấn và Xây dựng Gia Lộc	hồ chứa nước Đá Bàn, thị xã Ninh Hòa	Cát làm VLXDTT	985/QĐ-UBND (19/4/2016)	27.120.000	-	27.120.000	1	2016	27.120.000	Đã nộp

	Tên doanh nghiệp	Khu vực khoáng sản	Loại KS	Quyết định phê duyệt	Tổng tiền cấp quyền (đồng)	Số tiền nộp hàng năm tính theo giá tính thuế TN tại thời điểm thẩm	Số tiền thẩm định nộp trong năm 2016 (đồng)	Số lần nộp	Năm bắt đầu nộp	Số tiền đã thu trong năm	Trạng thái nộp tiền
9	DNTN Minh Phương	hồ chứa nước Suối Dầu, huyện Cam Lâm	Cát làm VLXDTT và đất san lấp	1712/QĐ-UBND (15/6/2016)	36.518.000	-	36.518.000	1	2016	0	Còn nợ
10	Công ty TNHH Xây dựng Gia Cát KH	hồ chứa nước Suối Trầu, thị xã Ninh Hòa	Cát làm VLXDTT và đất san lấp	1713/QĐ-UBND (15/6/2016)	746.920.000	248.973.333	248.973.333	3	2016	248.973.333	Đã nộp
11	Công ty TNHH Vạn Hương	Sông Đầm Trùng, xã Vạn Bình, huyện Vạn Ninh	Cát làm VLXDTT	2227/QĐ-UBND (01/8/2016)	53.460.000	-	53.460.000	1	2016	53.460.000	Đã nộp
12	Công ty TNHH Xây dựng Khoáng sản Sông Lau	Suối Dầu, xã Suối Cát huyện Cam Lâm	Cát làm VLXDTT	2527/QĐ-UBND (26/8/2016)	74.300.000	-	74.300.000	1	2016	74.300.000	Đã nộp
13	Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Hoàng Thịnh Phát	lòng hồ chứa nước Hòn Khói, thị xã Ninh Hòa	Cát làm VLXDTT và đất san lấp	2747/QĐ-UBND (16/9/2016)	51.391.000	-	51.391.000	1	2016	0	Còn nợ
14	Công ty TNHH Đầu tư và Dịch vụ Cát Khánh	Suối sông Cạn, xã Cam Thịnh Đông, thành phố Cam Ranh	Cát làm VLXDTT	789/QĐ-UBND (30/3/2016)	18.554.000	-	18.554.000	1	2016	18.554.000	Đã nộp
15	Công ty TNHH Đầu tư và Dịch vụ Cát Khánh	Hồ chứa nước Cam Ranh, huyện Cam Lâm	Cát làm VLXDTT	4080/QĐ-UBND (29/12/2016)	1.371.841.000	685.920.500	0	2	2017	0	Thuế đang ra thông báo
16	Công ty TNHH Đầu tư và Dịch vụ Cát Khánh	Hồ chứa nước Tà Rục, huyện Cam Lâm	Cát làm VLXDTT	4078/QĐ-UBND (29/12/2016)	789.302.000	394.651.000	0	2	2017	0	Thuế đang ra thông báo
Tổng cộng							779.006.333			661.599.333	

BẢNG TỔNG HỢP TIỀN CẤP QUYỀN HỒ SƠ THU HỒI KHOÁNG SẢN TRONG DỰ ÁN ĐƯỢC UBND TỈNH PHÊ DUYỆT

(Kèm theo công văn số /STNMT-KS ngày tháng năm)

TT	Tên doanh nghiệp	Khu vực khoáng sản	Loại KS	Quyết định phê duyệt	Tổng tiền cấp quyền (đồng)	Số tiền nộp hàng năm tính theo giá tính thuế TN tại thời điểm thẩm định (đồng)	Số tiền thẩm định nộp trong năm 2016 (đồng)	Số lần nộp	Năm bắt đầu nộp	Số tiền đã thu trong năm	Trạng thái nộp tiền
1	Công ty TNHH Đông Dương Khánh Hòa	Dự án Chinh trang khu vực núi Hòn Xên, phường Vĩnh Hòa, TP Nha Trang	Đất san lấp	54/QĐ-UBND (12/01/2016)	206.579.000	-	206.579.000	1	2016	206.579.000	Đã nộp
2	Công ty TNHH Vinpearl Bãi Dài	Dự án Khu Du lịch Vinpearl Bãi Dài	Cát san lấp	752/QĐ-UBND (25/3/2016)	305.196.000	-	305.196.000	1	2016	305.196.000	Đã nộp
3	Công ty Nam Việt Thái Sơn	dự án thao trường huấn luyện Vùng 4 hải quân	Cát san lấp	2226/QĐ-UBND (01/8/2016)	1.014.798.000	-	1.014.798.000	1	2016	1.014.798.000	Đã nộp
4	Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Thăng Phát	dự án cụm công nghiệp Trảng É, xã Suối Cát, huyện Cam Lâm	Đất san lấp	2984/QĐ-UBND (05/10/2016)	379.832.000	-	379.832.000	1	2016	0	Nợ
5	Công ty TNHH Khai thác đá Hòn Thị	dự án Khu đô thị Hòn Thị	Đất, đá làm VLXDĐT	2952/QĐ-UBND (04/10/2016)	8.659.094.000	-	8.659.094.000	1	2016	8.659.094.000	Đã nộp
6	Công ty Cổ phần Trung Sơn	thôn Phước Thượng, xã Phước Đồng, thành phố Nha Trang	Đất, đá làm VLXDĐT	2951/QĐ-UBND (04/10/2016)	11.593.977.000	-	11.593.977.000	1	2016	0	Nợ

7	Công ty TNHH Vinpearl Bãi Dài	Dự án Khu Du lịch Vinpearl Bãi Dài	Cát san lấp	4077/QĐ- UBND (28/12/2016)	214.966.000	-	214.966.000	1	2017		Thuế đang ra thông báo
Tổng cộng							22.159.476.000			10.185.667.000	

BẢNG TỔNG HỢP TIỀN CẤP QUYỀN HỒ SƠ CẢI TẠO ĐẤT SAN LẬP ĐƯỢC UBND TỈNH PHÊ DUYỆT

(Kèm theo công văn số /STNMT-KS ngày tháng năm)

TT	Tên doanh nghiệp	Khu vực khoáng sản	Loại KS	Quyết định phê duyệt	Tổng tiền cấp quyền (đồng)	Số tiền nộp hàng năm tính theo giá tính thuế TN tại thời điểm thẩm định (đồng)	Số tiền thẩm định nộp trong năm 2016 (đồng)	Số lần nộp	Năm bắt đầu nộp	Số tiền đã thu trong năm	Trạng thái nộp tiền
1	Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ MH	thôn Cù Hìn, xã Cam Hải Đông, huyện Cam Lâm	Đất san lấp	3422/QĐ-UBND (26/11/2015)	173.532.000	-	173.532.000	1	2016	173.532.000	Đã nộp
2	Công ty TNHH Vương Khang Khánh Hòa	thôn Phước Trung, xã Phước Đồng, TP Nha Trang	Đất san lấp	3630/QĐ-UBND (15/12/2015)	106.553.000	-	106.553.000	1	2016	106.553.000	Đã nộp
3	Công ty TNHH Xây dựng Gia Cát KH	phường Ninh Hiệp, thị xã Ninh Hòa	Đất san lấp	1715/QĐ-UBND (15/6/2016)	31.682.000	-	31.682.000	1	2016	31.682.000	Đã nộp
4	Công ty TNHH Trường Đạt	thôn Phước Mỹ, xã Ninh Hưng, thị xã Ninh Hòa	Đất san lấp	1714/QĐ-UBND (15/6/2016)	138.155.000	-	138.155.000	1	2016	138.155.000	Đã nộp
5	Ông Tô Văn Chí	xã Suối Tân, huyện Cam Lâm	Đất san lấp	2985/QĐ-UBND (05/10/2016)	35.525.000	-	35.525.000	1	2016	0	Còn thời gian nộp
6	Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Đồng Phát	Phường Cam Phúc Bắc, thành phố Cam Ranh	Đất san lấp	4079/QĐ-UBND (29/12/2016)	105.329.000	-	0	1	2017	0	Thuế đang ra thông báo
Tổng cộng					590.776.000		485.447.000			449.922.000	

BẢNG TỔNG HỢP CÁC KHU VỰC ĐỒNG RUỘNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KHÁNH HÒA ĐÃ ĐƯỢC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG THAM MƯU UBND TỈNH CHO PHÉP CẢI TẠO, THU HỒI SÉT LÀM GẠCH NGÓI NHƯNG CHƯA THỰC HIỆN KẾ KHAI TÍNH TIỀN CẤP QUYỀN THU HỒI KHOÁNG SẢN

TT	Số QĐ của UBND tỉnh	Doanh nghiệp	Địa điểm	Diện tích (ha)	Khối lượng (m ³)		Thời hạn
					Đất SL	Sét làm gạch ngói	
1	1587/QĐ-UBND ngày 25/6/2014	DNTN Thương mại và Dịch vụ Thành Danh	xứ đồng Gò Nổi, thôn Gò Sắn, xã Ninh Hưng	2.32	0	25,192	25/06/2015
2	2236/QĐ-UBND ngày 26/8/2014	DNTN Tân Hoàng Thịnh	xứ đồng Trại Làng, thôn Tân Quang, xã Ninh Quang	1.78	0	14,669	26/08/2015

**BẢNG TỔNG HỢP TIỀN CẤP QUYỀN THU HỒI KHOÁNG SẢN SÉT GẠCH NGÓI ĐƯỢC UBND TỈNH PHÊ DUYỆT PHẢI NỘP TIỀN TRONG NĂM 2016
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KHÁNH HÒA**

(kèm theo Công văn số /STNMT-KS ngày tháng năm 2017)

TT	Tên doanh nghiệp	Khu vực khoáng sản	Loại KS	Quyết định phê duyệt	Tổng tiền cấp quyền (đồng)	Số tiền thâm định nộp trong năm 2016 (đồng)	Số lần nộp (lần/năm)	Năm bắt đầu nộp	Số tiền đã thu trong năm	Trạng thái nộp tiền
1	Công ty TNHH Thuận Thành Phát	xứ đồng Hóc Ông Nhẫn, thôn Tân Hưng, xã Ninh Hưng, thị xã Ninh Hòa	Sét gạch ngói	361/QĐ-UBND (03/02/2016)	15,780,000	15,780,000	1	2016	15,780,000	Đã nộp
2	Công ty TNHH Thuận Thành Phát	xứ đồng Gò Nổi, thôn Gò Sần, xã Ninh Hưng, thị xã Ninh Hòa	Sét gạch ngói	362/QĐ-UBND (03/02/2016)	38,991,000	38,991,000	1	2016	38,991,000	Đã nộp
3	Công ty TNHH Thuận Thành Phát	xứ đồng Gò Nổi (giai đoạn 2), thôn Gò Sần, xã Ninh Hưng, thị xã Ninh Hòa	Sét gạch ngói	751/QĐ-UBND (25/3/2016)	39,805,000	39,805,000	1	2016	39,805,000	Đã nộp
4	Công ty TNHH Sản xuất Vận tải Thanh Thu Thảo	xứ đồng Cỏ Ông, thôn Tân Hưng, xã Ninh Hưng, thị xã Ninh Hòa	Sét gạch ngói	750/QĐ-UBND (25/3/2016)	36,362,000	36,362,000	1	2016	36,362,000	Đã nộp
5	Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Long Thành	thôn Trường Lộc, xã Ninh Hưng, thị xã Ninh Hòa	Sét gạch ngói	2578/QĐ-UBND (31/8/2016)	78,764,000	78,764,000	1	2016	78,764,000	Đã nộp
6	Chi nhánh Công ty Cổ phần VLXD Khánh Hòa – XN gạch ngói Ninh Hòa TN25	xã Ninh Hưng, thị xã Ninh Hưng, thị xã Ninh Hòa	Sét gạch ngói	2950/QĐ-UBND (04/10/2016)	80,976,000	80,976,000	1	2016	80,976,000	Đã nộp

**BẢNG TỔNG HỢP TIỀN CẤP QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN ĐƯỢC UBND TỈNH PHÊ DUYỆT PHẢI NỢ TIỀN TRONG NĂM 2016
VÀ CÁC NĂM TIẾP THEO (NẾU CÓ) TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KHÁNH HÒA**
(kèm theo Công văn số /STNMT-KS ngày tháng năm 201)

TT	Tên doanh nghiệp	Khu vực khoáng sản	Loại KS	Quyết định phê duyệt	Tổng tiền cấp quyền (đồng)	Số tiền nộp hàng năm tính theo giá tính thuế TN tại thời điểm thẩm định (đồng)	Số tiền phải nộp trong năm 2016 (đồng)	Số lần nộp (lần/năm)	Năm bắt đầu nộp	Số tiền đã thu trong năm 2016 (đồng)	Nợ năm 2015 (đồng)	Trạng thái nợ
A	Hồ sơ phê duyệt theo Giấy phép khai thác khoáng sản năm 2014 và 2015, tiếp tục phải nộp tiền trong năm 2016 và các năm tiếp theo (nếu có): 17 hồ sơ.						13.948.722.148			9.252.628.766		
I	Huyện Vạn Ninh						2.645.694.371			2.398.504.021		
1	Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Văn Phong	Vĩnh Yên, xã Vạn Thạnh, huyện Vạn Ninh	Đất, đá làm VLXDTT	2435/QĐ-UBND (17/9/2014)	3.779.633.000	599.941.746	834.701.600	7	2014	0	1.199.883.492	Nợ tiền năm 2015 và 2016
2	Công ty TNHH VLXD Hồ Sầu	Hồ Sầu, thôn Vĩnh Yên, xã Vạn Thạnh, huyện Vạn Ninh	Đất, đá làm VLXDTT	1084/QĐ-UBND (05/5/2015)	6.110.035.579	587.503.421	751.847.943	11	2015	1.339.359.221	587.503.421	Không nợ
3	Công ty TNHH Mạnh Cường	mỏ Bò Đà, xã Vạn Lương, xã Vạn Hưng, huyện Vạn Ninh	Đất, đá làm VLXDTT	1182/QĐ-UBND (13/5/2015)	11.989.620.000	826.870.345	1.059.144.828	15	2015	1.059.144.800	0	Không nợ
II	Thị xã Ninh Hòa						5.671.893.353			3.578.539.129		
1	Công ty Cổ phần Du lịch Dịch vụ Văn Phong	Ninh Tịnh, xã Ninh Phước, thị xã Ninh Hòa	Đất, đá làm VLXDTT	2466/QĐ-UBND (19/9/2014)	12.848.022.000	886.070.483	1.135.947.039	15	2014	1.135.947.000	0	Không nợ
2	Công ty TNHH Thành Đạt	Đèo Quýt, thôn Mỹ Á, phường Ninh Thủy, TX Ninh Hòa	Đất san lấp	2463/QĐ-UBND (19/9/2014)	1.324.056.000	249.821.887	361.491.300	6	2014	0	499.643.774	Nợ tiền năm 2015 và 2016
3	Công ty TNHH Tư vấn Thiết kế Xây dựng ADC	Hòn Giốc Mơ, xã Ninh Lộc, thị xã Ninh Hòa	Đất, đá làm VLXDTT	2503/QĐ-UBND (23/9/2014)	30.188.603.000	1.556.113.557	1.990.978.386	20	2014	0	3.112.227.114	Nợ tiền năm 2014, 2015 và 2016

TT	Tên doanh nghiệp	Khu vực khoáng sản	Loại KS	Quyết định phê duyệt	Tổng tiền cấp quyền (đồng)	Số tiền nộp hàng năm tính theo giá tính thuế TN tại thời điểm thẩm định (đồng)	Số tiền phải nộp trong năm 2016 (đồng)	Số lần nộp (lần/năm)	Năm bắt đầu nộp	Số tiền đã thu trong năm 2016 (đồng)	Nợ năm 2015 (đồng)	Trạng thái nộp
4	Công ty TNHH Việt Đức	Hòn Hèo, xã Ninh Thọ, thị xã Ninh Hòa	Đất san lấp	2482/QĐ-UBND (09/9/2015)	1.554.693.000	259.115.500	259.115.500	6	2015	518.231.000	259.115.500	Không nợ
5	Công ty TNHH Xây lắp I	thôn Ninh Tịnh, xã Ninh Phước, TX Ninh Hòa	Đất, đá làm VLXDTT	3633/QĐ-UBND (15/12/2015)	35.279.954.000	2.565.814.838	1.924.361.129	14	2016	1.924.361.129	0	Không nợ
III	<i>Thành phố Nha Trang</i>						169.257.334			169.257.300		
1	Công ty Cổ phần Quản lý và Xây dựng đường bộ Khánh Hòa	mỏ đá Đặc Lộc, xã Vĩnh Phương, thành phố Nha Trang	Đất, đá làm VLXDTT	2252/QĐ-UBND (18/8/2015)	1.592.373.000	132.697.750	169.257.334	12	2015	169.257.300	0	Không nợ
IV	<i>Huyện Diên Khánh</i>						1.095.529.253			1.056.197.300		
1	Công ty TNHH Thạch Thảo	Khánh Xuân, xã Diên Lâm, huyện Diên Khánh	Đá làm VLXDTT	2926/QĐ-UBND (03/11/2014)	471.984.000	39.332.000	39.332.000	12	2014	0	12.000	Nợ năm 2015 và 2016
2	DNTN Thanh Danh	mỏ Hòn Ngang, xã Diên Sơn, huyện Diên Khánh	Đất, đá làm VLXDTT	2138/QĐ-UBND (06/8/2015)	9.721.130.000	823.824.576	1.056.197.253	12	2015	1.056.197.300	0	Không nợ
V	<i>Huyện Cam Lâm</i>						2.156.226.002					
1	Công ty Cổ phần Bất động sản Hà Quang	Hòn Cầu, xã Suối Cát, huyện Cam Lâm	Đất, đá làm VLXDTT	3117/QĐ-UBND (31/12/2014)	21.502.904.000	1.686.502.275	2.156.226.002	13	2015	2.156.226.000	0	Không nợ
VI	<i>Thành phố Cam Ranh</i>						2.210.121.835			2.050.131.016		
1	Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Ô tô Cam Ranh	Hòn Dung, xã Cam Thịnh Đông, xã Cam Thịnh Tây, thành phố Cam Ranh	Đất san lấp	2930/QĐ-UBND (03/11/2014)	1.110.597.000	142.384.231	198.099.800	8	2014	198.099.800	0	Không nợ

TT	Tên doanh nghiệp	Khu vực khoáng sản	Loại KS	Quyết định phê duyệt	Tổng tiền cấp quyền (đồng)	Số tiền nộp hàng năm tính theo giá tính thuế TN tại thời điểm thẩm định (đồng)	Số tiền phải nộp trong năm 2016 (đồng)	Số lần nộp (lần/năm)	Năm bắt đầu nộp	Số tiền đã thu trong năm 2016 (đồng)	Nợ năm 2015 (đồng)	Trạng thái nợ
2	Công ty TNHH Minh Lộc	núi Ba Tu, xã Cam Thịnh Đông, thành phố Cam Ranh	Đất san lấp	2501/QĐ-UBND (23/9/2014)	1.700.505.000	186.868.681	259.991.208	10	2014	100.000.000	0	Nợ tiền năm 2016
3	Công ty TNHH Xuân Sinh	Hòn Dung, xã Cam Thịnh Đông-Cam Thịnh Tây, thành phố Cam Ranh	Đất san lấp	619/QĐ-UBND (16/3/2015)	1.194.837.000	199.139.500	277.063.652	6	2015	277.063.700	0	Không nợ
4	Công ty TNHH Sản xuất VLXD Thành Đạt	mỏ Đốc Sơn, xã Cam Thịnh Đông, thành phố Cam Ranh	Đất, đá làm VLXDĐT	1717/QĐ-UBND (30/6/2015)	14.656.609.000	1.035.802.756	1.327.170.087	15	2015	1.327.170.516	416	Không nợ
5	Công ty Cổ phần Quản lý và Xây dựng đường bộ Khánh Hòa	mỏ đá Đốc Sơn, xã Cam Thịnh Đông, thành phố Cam Ranh	Đất, đá làm VLXDĐT	2234/QĐ-UBND (18/8/2015)	1.390.475.000	115.872.917	147.797.088	12	2015	147.797.000	0	Không nợ
B	Hồ sơ phê duyệt theo Giấy phép khai thác khoáng sản năm 2016: 15 hồ sơ.						12.708.104.217			5.013.038.544		
<i>I</i>	<i>Huyện Vạn Ninh</i>						1.646.500.238					
1	Công ty Cổ phần Khoáng sản và Đào tạo Sài Gòn	mỏ đá Bồ Đà 3, xã Vạn Hưng, huyện Vạn Ninh	Đất, đá làm VLXDĐT	1424/QĐ-UBND (25/5/2016)	34.576.505.000	1.646.500.238	1.646.500.238	21	2016	1.646.500.238	0	Không nợ
<i>II</i>	<i>Thị xã Ninh Hòa</i>						2.299.298.141			2.268.637.141		
1	Công ty TNHH Thương mại Vận tải Hồng Phát	súoi Nhà Chay, xã Ninh Hưng, TX Ninh Hòa	Cát làm VLXDĐT	318/QĐ-UBND (01/02/2016)	25.818.000	0	25.818.000	1	2016	25.818.000		Không nợ
2	DNTN Thuật Hoàng	núi Hốc Đá Đen, thôn Phú Hữu, xã Ninh Ích, thị xã Ninh Hòa	Đất, đá làm VLXDĐT	984/QĐ-UBND (19/4/2016)	153.305.000	30.661.000	30.661.000	5	2016	0		Nợ năm 2016

TT	Tên doanh nghiệp	Khu vực khoáng sản	Loại KS	Quyết định phê duyệt	Tổng tiền cấp quyền (đồng)	Số tiền nộp hàng năm tính theo giá tính thuế TN tại thời điểm thẩm định (đồng)	Số tiền phải nộp trong năm 2016 (đồng)	Số lần nộp (lần/năm)	Năm bắt đầu nộp	Số tiền đã thu trong năm 2016 (đồng)	Nợ năm 2015 (đồng)	Trạng thái nộp
3	Công ty TNHH Xây Lấp 1	mỏ Đông Núi Sầm, phường Ninh Giang, TX Ninh Hòa	Đất, đá làm VLXDĐT	1242/QĐ-UBND (15/5/2016)	8.074.142.000	2.182.200.541	2.182.200.541	4	2016	2.182.200.541		Không nợ
4	DNTN Ba Hồ	mỏ núi Hốc Đá Đen, thôn Phú Hòa, xã Ninh Ích, thị xã Ninh Hòa	Đá làm VLXDĐT	1510/QĐ-UBND (1/6/2016)	35.663.000	7.132.600	7.132.600	5	2016	7.132.600		Không nợ
5	DNTN Quang Lý	thôn Tiên Du, xã Ninh Phú, thị xã Ninh Hòa	Đất, đá làm VLXDĐT	1511/QĐ-UBND (1/6/2016)	53.486.000	0	53.486.000	1	2016	53.486.000		Không nợ
III	<i>Thành phố Nha Trang</i>						0			0		
-												
IV	<i>Huyện Diên Khánh</i>						3.003.576.119			1.678.201.629		
1	Công ty Cổ phần Kỹ thuật cầu đường An Phong	mỏ đá Tây Hòn Ngang, xã Diên Lâm, huyện Diên Khánh	Đất, đá làm VLXDĐT	109/QĐ-UBND (18/01/2016)	7.347.593.000	667.963.000	667.963.000	11	2016	667.963.000		Không nợ
2	Công ty TNHH Hiện Vinh	mỏ đá Bắc Hòn Ngang, xã Diên Sơn, huyện Diên Khánh	Đất, đá làm VLXDĐT	986/QĐ-UBND (19/4/2016)	6.737.919.000	748.657.667	748.657.667	9	2016	748.657.667		Không nợ
3	Công ty Cổ phần Quản lý và Xây dựng Giao thông Khánh Hòa	mỏ tây Hòn Ngang, xã Diên Lâm, huyện Diên Khánh	Đá làm VLXDĐT	1508/QĐ-UBND (1/6/2016)	4.080.663.000	261.580.962	261.580.962	16	2016	261.580.962		Không nợ
4	CN Nhà Trang - Công ty CP Thiên Phú Phát	Đông núi Hòn Ngang, xã Diên Sơn, huyện Diên Khánh	Đất, đá làm VLXDĐT	1716/QĐ-UBND (15/6/2016)	6.494.335.000	1.325.374.490	1.325.374.490	5	2016	0		Nợ năm 2016
V	<i>Huyện Cam Lâm</i>						348.166.774			348.166.774		
1	Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Vạn Phúc	mỏ đá Hòn Nhộn, thôn Cừ Lợi, xã Cam Hòa, huyện Cam Lâm	Đất, đá làm VLXDĐT	1509/QĐ-UBND (1/6/2016)	7.555.219.000	348.166.774	348.166.774	22	2016	348.166.774		Không nợ
VI	<i>Thành phố Cam Ranh</i>						5.410.562.945			718.033.000		

TT	Tên doanh nghiệp	Khu vực khoáng sản	Loại KS	Quyết định phê duyệt	Tổng tiền cấp quyền (đồng)	Số tiền nộp hàng năm tính theo giá tính thuế TN tại thời điểm thẩm định (đồng)	Số tiền phải nộp trong năm 2016 (đồng)	Số lần nộp (lần/năm)	Năm bắt đầu nộp	Số tiền đã thu trong năm 2016 (đồng)	Nợ năm 2015 (đồng)	Trạng thái nộp
1	Công ty TNHH Phước Thành	mỏ Hồ Hành 1, xã Cam Phước Đông, thành phố Cam Ranh	Đất đá làm VLXDĐT	1513/QĐ-UBND (1/6/2016)	23.563.437.000	1.051.939.152	1.051.939.152	23	2016	0		Nợ 2016
2	Công ty TNHH Vật liệu Xây dựng Lộc	mỏ Hồ Hành 2, xã Cam Phước Đông, thành phố Cam Ranh	Đất đá làm VLXDĐT	1512/QĐ-UBND (1/6/2016)	25.265.648.000	1.132.988.700	339.896.610	23	2016	0		Nợ 2016
3	Công ty TNHH Quyết Thắng	thôn Hòa Sơn, xã Cam Thịnh Đông, TP Cam Ranh	Đất san lấp	2580/QĐ-UBND (31/8/2016)	718.033.000		718.033.000	1	2016	718.033.000		Không nợ
4	Công ty TNHH Đá Hòa An 1	mỏ đá Cam Phước, xã Cam Phước Đông, thành phố Cam Ranh	Đất đá làm VLXDĐT	2579/QĐ-UBND (31/8/2016)	68.654.439.000	3.300.694.183	3.300.694.183	21	2016	0		Nợ 2016
	Tổng						26.656.826.365			14.265.667.310		

**DANH SÁCH CÁC GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN CHƯA THỰC HIỆN KÊ KHAI TÍNH TIỀN CẤP
QUYỀN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KHÁNH HÒA**

(kèm theo Công văn số /STNMT-KS ngày tháng năm 2016)

STT	Tên đơn vị được cấp phép	Số giấy phép, ngày cấp	Vị trí khu vực khai thác	Loại khoáng sản	Thời hạn giấy phép	Ghi chú
1	Công ty Cổ phần Vật tư Thiết bị Giao thông Khánh Hoà	1152/QĐ-UB, 05/5/1998	Núi Sấm, phường Ninh Giang, thị xã Ninh Hòa	Đá làm VLXDTT	30 năm	Chưa thực hiện kê khai
2	Công ty Cổ phần Vật tư Thiết bị Giao thông Khánh Hoà	5681/QĐ-UB, 05/2/1997	xã Diên Lâm, huyện Diên Khánh	Đá làm VLXDTT	30 năm	Chưa thực hiện kê khai
3	Công ty Cổ phần A Châu	72/GP-UBND, 09/01/2014	Xã Diên Thọ, huyện Diên Khánh	Đá làm VLXDTT	21,5 năm	Chưa thực hiện kê khai
4	Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Khánh Hòa	1516/GP-UBND, 21/6/2012	Diên Xuân, huyện Diên Khánh	Sét gạch ngói	8,5 năm	Chưa thực hiện kê khai
5	Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Vĩnh Phát	3172/GP-UBND, 19/12/2012	Núi Hòn Rọ, xã Diên Thọ, huyện Diên Khánh	Đất san lấp	5 năm	Chưa thực hiện kê khai
6	DNTN Thương mại Dịch vụ Anh Tuấn	1897/GP-UBND; 18/7/2011	Mỏ cát, sỏi bãi bồi lòng sông trên sông Lốp qua xã Ninh Trung và Ninh An	Cát, sỏi làm VLXDTT	Đã hết hạn giấy phép	Chưa thực hiện kê khai

BẢNG TỔNG HỢP CÁC TRƯỜNG HỢP KHÔNG KẾ KHAI TIỀN CẤP QUYỀN

(Kèm theo Công văn số /STNMT-KS ngày tháng năm 201)

TT	Tổ chức, cá nhân	Địa điểm khai thác	VB của cơ quan có thẩm quyền	Thời hạn khai thác	Kế khai tiền cấp quyền	Ghi chú
	[2]	[6]	[7]	[8]	[12]	[13]
I	Vạn Ninh					
1	Công ty TNHH Đại Hữu Khánh Hòa	Xã Vạn Khánh, huyện Vạn Ninh	Chưa		Chưa kế khai	Hiện nay chưa cơ quan có thẩm quyền cho phép
2	Công ty TNHH TM và XD Hoàng Thịnh Phát	Xã Vạn Thạnh, huyện Vạn Ninh	10032/UBND-KT ngày 13/12/2016	3 năm	Chưa kế khai	
3	Ông Nguyễn Đình Thông	thửa 48 và 110, tờ bản đồ số 1, thôn Suối Luồng, xã Vạn Thắng	950/UBND, 19/2/2014; 221/UBND, 12/2/2015	31/12/2015	Chưa kế khai	
4	Ông Nguyễn Xuân Đài	thửa 28 và 29 tờ bản đồ số 1, thôn Suối Luồng, xã Vạn Thắng	2017/UBND, 22/10/2014; 540/UBND, 22/4/2015	31/12/2015	Chưa kế khai	
5	Bà Ngô Thị Xong	thửa 82 và 83, tờ bản đồ số 2, thôn Suối Hàng, xã Vạn Khánh	175/UBND, 18/2/2014	31/12/2014	Chưa kế khai	
6	Ông Nguyễn Đình Thông	thửa 110, tờ bản đồ số 1, thôn Cổ Mã, xã Vạn Thọ	630/UBND, 12/5/2015	31/12/2014	Chưa kế khai	
7	Bà Đồng Thị Thùy Linh	thửa số 174, tờ bản đồ 24, thôn Tân Đức Tây, xã Vạn Lương	1785/UBND, 12/9/2014	31/12/2014	Chưa kế khai	
8	Ông Võ Châu	thửa 176, tờ bản đồ số 3, thôn Tân Đức tây, xã Vạn Lương	2020/UBND, 23/10/2014	31/12/2014	Chưa kế khai	
9	Ông Nguyễn Chương	thửa số 2, lô d, khoảnh IV, tiểu khu 374b, thôn Xuân Đông, xã Vạn Hưng	243/UBND, 27/2/2014	31/12/2014	Chưa kế khai	
10	Ông Nguyễn Đức Hợp	thửa 1-5 lô b và 2,3 lô d khoảnh IV, thôn Xuân Đông, xã Vạn Hưng	200/UBND, 19/2/2014	từ 01/3/2014 đến 31/12/2014	Chưa kế khai	
II	Thị xã Ninh Hòa					
1	Ông Phan Dũng	thôn Trung, xã Ninh Tân, thị xã Ninh Hòa	3207/QĐ-UBND, 23/11/2015	31/12/2015	Chưa kế khai	
2	Ông Trần Nguyên Mậu	thôn Phước Mỹ, xã Ninh Hưng	720/QĐ-UBND, 24/3/2014	30/7/2014	Chưa kế khai	
3	Ông Trần Văn Dị	Hòn Miếu, thôn Phước Mỹ, xã Ninh Hưng	1235/QĐ-UBND, 10/4/2014	30/7/2014	Chưa kế khai	
4	Ông Lưu Trường Thông	Hòn Miếu, thôn Phước Mỹ, xã Ninh Hưng	1236/QĐ-UBND, 10/4/2014	30/7/2014	Chưa kế khai	
5	Công ty Thuận Thành Phát	thôn Phước Mỹ, xã Ninh Hưng	953/QĐ-UBND, 27/3/2014	30/7/2014	Chưa kế khai	
6	Ông Trần Minh Quý	Hòn Giầy, thôn Tân Hưng, xã Ninh Hưng	6289/QĐ-UBND, 10/7/2014	30/7/2014	Chưa kế khai	
7	Ông Nguyễn Phú	Hòn Miếu, xã Ninh Lộc	1214/QĐ-UBND, 4/4/2014	30/7/2014	Chưa kế khai	

TT	Tổ chức, cá nhân	Địa điểm khai thác	VB của cơ quan có thẩm quyền	Thời hạn khai thác	Kê khai tiền cấp quyền	Ghi chú
	[2]	[6]	[7]	[8]	[t2]	[13]
8	Ông Nguyễn Tường	Hòn Miếu, thôn Mỹ Lợi, xã Ninh Lộc	1968/QĐ-UBND, 12/5/2014	30/7/2014	Chưa kê khai	
9	Ông Nguyễn Sơn Tuấn	thôn Vạn Thuận, xã Ninh Ích	1967/QĐ-UBND, 12/5/2014	30/7/2014	Chưa kê khai	
10	Ông Nguyễn Hữu Tính	mòm Đá Roi, thôn Tân Hưng, xã Ninh Lộc	2036/QĐ-L.UBND, 14/5/2014	30/7/2014	Chưa kê khai	
11	Ông Lê Xúc	tổ dân phố Hà Thanh 2, phường Ninh Đa	2303/QĐ-UBND, 26/5/2014	30/7/2014	Chưa kê khai	
12	Ông Nguyễn Đình Huy	thôn Tiên Du 2, xã Ninh Phú	5837/QĐ-UBND, 2/7/2014	30/7/2014	Chưa kê khai	
13	Ông Trần Bán	thôn Văn Định, xã Ninh Đông	1213/QĐ-UBND, 4/4/2014	30/7/2014	Chưa kê khai	
14	Bà Nguyễn Thị Xanh	xứ đồng Soi Lãng, thôn Đại Cát, xã Ninh Phụng	995/QĐ-UBND, 28/3/2014	30/7/2014	Chưa kê khai	
15	Bà Lê Thị Chút	xứ đồng Soi Lãng, thôn Đại Cát, xã Ninh Phụng	954/QĐ-UBND, 27/3/2014	30/7/2014	Chưa kê khai	
16	Công ty TNHH Xây dựng và Đầu tư	xã Ninh Phước, Thị xã Ninh Hòa	Không		Chưa kê khai	Hiện nay chưa cơ quan có thẩm quyền cho phép
17	Công ty CP Du lịch Sinh thái Thanh Vân	xã Ninh Vân, thị xã Ninh Hòa	Không		Chưa kê khai	Hiện nay chưa cơ quan có thẩm quyền cho phép
III	TP Nha Trang					
1	Bà Văn Thị Xuân	tờ bản đồ số 3, thửa đất số 91, xã Vĩnh Lương	1020/UBND-TNMT, 27/3/2014	9 tháng	Chưa kê khai	
2	Ông Trần Thanh Tân	thửa đất số 296, tờ bản đồ 14, thôn Lương Hòa, xã Vĩnh Lương	3011/UBND-TNMT 23/7/2014	3 tháng	Chưa kê khai	
3	Ông Trần Đình Vũ	thửa đất 304+361, tờ bản đồ 1, xã Vĩnh Phương	2525/UBND-TNMT, 27/6/2014	9 tháng	Chưa kê khai	
4	Công ty CP Khách sạn Hữu Nghị	03 Trần Hưng Đạo, Nha Trang	Không		Chưa kê khai	Hiện nay chưa cơ quan có thẩm quyền cho phép
5	Công ty TNHH Sovico Khánh Hòa	Khu nghỉ mát AnaMadra	Không		Chưa kê khai	Hiện nay chưa cơ quan có thẩm quyền cho phép
IV	Huyện Diên Khánh					
1	Ông Nguyễn Duy Luân	thửa số 452, tờ bản đồ số 1, xã Suối Hiệp	1124/QĐ-UBND, 5/5/2014	tháng 10/2015	Chưa kê khai	
2	Ông Nguyễn Ngọc Sơn	thửa 95,96,97, tờ bản đồ số 45, xã Suối Hiệp	1123/QĐ-UBND, 5/5/2014	tháng 10/2015	Chưa kê khai	

TT	Tò chức, cá nhân	Địa điểm khai thác	VB của cơ quan có thẩm quyền	Thời hạn khai thác	Kê khai tiền cấp quyền	Ghi chú
	[2]	[6]	[7]	[8]	[12]	[13]
3	Ông Trần Quá	thửa số 26, tờ bản đồ số 1, xã Diên Hòa	1122/QĐ-UBND, 5/5/2014	18 tháng	Chưa kê khai	
4	Bà Trần Thị Mỹ Dung	thửa số 27, tờ bản đồ số 1, xã Diên Hòa	1121/QĐ-UBND, 5/5/2014	18 tháng	Chưa kê khai	
5	Công ty TNHH Đại Thuận	Diên Thọ	Không			Hiện nay chưa cơ quan có thẩm quyền cho phép
6	DNTN Đồng Văn	Diên Lâm	Không			Hiện nay chưa cơ quan có thẩm quyền cho phép
7	CN Công ty CP VLXD KH- XN Gạch ngói Diên Khánh	Diên Lâm	Không			Hiện nay chưa cơ quan có thẩm quyền cho phép
8	CN Công ty CP VLXD KH- XN Gạch ngói Diên Khánh	Diên Thọ	Không			Hiện nay chưa cơ quan có thẩm quyền cho phép
9	Công ty TNHH Khai thác XD Ngọc Thiên Ân	Diên Thọ	Không			Hiện nay chưa cơ quan có thẩm quyền cho phép
10	Công ty TNHH Trường Thành	Suối Tiên	Không			Hiện nay chưa cơ quan có thẩm quyền cho phép
V	Huyện Cam Lâm					
1	Ông Tô Văn Chí	thôn Cây Xoài, xã Suối Tân	3224/UBND, 25/6/2014	6 tháng	Chưa kê khai	
2	Ông Lê Đình Tân	Thôn Quảng Đức, xã Cam Hiệp Nam	4516/UBND, 27/8/2014	6 tháng	Chưa kê khai	
3	Ông Nguyễn Văn Thuận	Thôn Quảng Đức, xã Cam Hiệp Nam	2146/UBND, 15/5/2015	6 tháng	Chưa kê khai	
4	Ông Phùng Quốc Chính	Thôn Cửa Tùng, xã Cam An Bắc	2370/UBND, 26/5/2015	6 tháng	Chưa kê khai	
5	Ông Lê Quang Ba	thôn Vĩnh Đông, xã Cam An Nam	5789/UBND, 27/10/2014	31/3/2016	Chưa kê khai	
6	Bà Nguyễn Thị Nguyệt	thôn Vĩnh Đông, xã Cam An Nam	5618/UBND, 17/10/2014	17/4/2015	Chưa kê khai	

TT	Tổ chức, cá nhân	Địa điểm khai thác	VB của cơ quan có thẩm quyền	Thời hạn khai thác	Kê khai tiền cấp quyền	Ghi chú
	[2]	[6]	[7]	[8]	[12]	[13]
7	Ông Nguyễn Đăng Hùng	thôn Vĩnh Đông, xã Cam An Nam	3079/UBND, 19/6/2014	4 tháng	Chưa kê khai	
8	Ông Đặng Ngọc Huy	thôn Vĩnh Đông, xã Cam An Nam	3063/UBND, 07/03/2015	6 tháng	Chưa kê khai	
9	Ông Đinh Sơn Phú	thôn Vĩnh Đông, xã Cam An Nam	3164/UBND, 07/08/2015	6 tháng	Chưa kê khai	
10	Ông Nguyễn Quang Trung	thôn Cù Hin, xã Cam Hải Đông	2828/UBND, 22/6/2015	22/12/2015	Chưa kê khai	
11	Ông Phan Kiều Quang	thôn Cù Hin, xã Cam Hải Đông	981/UBND, 03/12/2011	8 tháng	Chưa kê khai	
12	Ông Hồ Văn Giáo	thôn Cù Hin, xã Cam Hải Đông	3072/UBND, 19/6/2014	6 tháng	Chưa kê khai	
13	Bà Trương Thị Yến	thôn Cù Hin, xã Cam Hải Đông	2829/UBND, 22/6/2015	6 tháng	Chưa kê khai	
14	Ông Võ Công	thôn Phú Bình 2, xã Cam Tân	6416/UBND, 24/11/2014	6 tháng	Chưa kê khai	
15	Ông Tô Văn Chí	Xã Suối Cát	3224/UBND, 25/6/2014; 1990/UBND, 06/5/2015	20/10/2015	Chưa kê khai	
16	CN Tổng Công ty VLXD số 1- TNHH MYV Công ty Cát Cam Ranh-Fico	Mỏ Cát Thủy Triều, Xã Cam Hải Đông	7826/UBND-KT ngày 16-11-2015	31/12/2016	chưa kê khai	
17	Công ty TNHH DV TM XD Xây lắp Đại An	Xã Suối Cát	10045/UBND-KT ngày 13/12/2016	2 năm	Chưa kê khai	
V1	Thành phố Cam Ranh					
1	Ông Lê Quang Thanh	thửa số 1, khoảnh 1, tiểu khu 675, phường Ba Ngòi	2688/QĐ-UBND 24/7/2014	31/12/2015	Chưa kê khai	
2	Ông Phạm Quý	thửa 206, tờ bản đồ số 4, xã Cam Phước Đông	4504/QĐ-UBND 15/8/2014	31/12/2015	Chưa kê khai	
3	Ông Nguyễn Ngọc Huy	thửa số 53, tờ bản đồ 21, xã Cam Thành Nam	6367/QĐ-UBND 31/10/2014	31/12/2015	Chưa kê khai	
4	Công ty TNHH TMDV T và D	Mỏ Suối Cạn	Không		Chưa kê khai	Hiện nay chưa cơ quan có thẩm quyền cho phép

TT	Tổ chức, cá nhân	Địa điểm khai thác	VB của cơ quan có thẩm quyền	Thời hạn khai thác	Kê khai tiền cấp quyền	Ghi chú
	[2]	[6]	[7]	[8]	[12]	[13]
5	Công ty TNHH Lục Kỳ	Cam Phước Đông	Không		Chưa kê khai	Hiện nay chưa cơ quan có thẩm quyền cho phép
6	Công ty CP Đất Mới	Cam Nghĩa	851/UBND-KT 17/02/2014	17/08/2014	Chưa kê khai	
7	Công ty TNHH DVTM Bích Quỳnh- CN Cam Ranh	Xã Cam Thịnh Đông	Không		Chưa kê khai	Hiện nay chưa cơ quan có thẩm quyền cho phép